TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 11 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

2. Bà Mai Huệ Anh Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Mai Lý Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 432/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Khu phố 3, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Khu phố 3, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Kim T trình bày:

Bà Võ Thị Kim T và ông Nguyễn Tấn T1 đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, hai bên có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu phố 3, phường P, thành phố Phan

Rang - Tháp Chàm. Quá trình chung sống, vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà và ông T1 không hợp nhau, dẫn tới thường xuyên cãi nhau, ông T1 có đánh bà vài lần. Từ tháng 12/2022 cho đến nay bà và ông T1 không còn sống chung, bà cùng 02 con dọn ra ngoài thuê ở riêng. Hai vợ chồng không gặp gỡ nhau, không ai có ý định hàn gắn quay lại. Do thời gian mâu thuẫn kéo dài và không còn chung sống cùng nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 02 con chung là: Nguyễn Võ Thạch Bảo T2, sinh ngày 25/9/2008 và Nguyễn Võ Thạch Bảo T3, sinh ngày 21/6/2012. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con và yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi 02 con là 1.500.000 đồng/tháng/con. Quá trình giải quyết vụ án bà có thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng, cụ thể: Không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay các con đang sống với bà tại khu phố 3, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Bà buôn bán thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng, nên đủ khả năng để lo cho các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T1 tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 164, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường Phủ Hà có diện tích 19,5m^2, trên đất có một ngôi nhà cấp IV A đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 266699 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 05/7/2016. Có giá trị khoảng 100.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia cho bà và ông T1 mỗi người được ½ giá trị tài sản, bà nhận hiện vật và hoàn lại ½ giá trị nhà, đất cho ông T1.

Ngày 28/8/2023, bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T1: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thông báo, tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đối với việc nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, đúng quy định do đó đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu trên.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, tranh chấp về nuôi con là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Võ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Tấn T1. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ở phường P, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Nguyễn Tấn T1 nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[1.3] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về "chia tài sản khi ly hôn", việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp chia tài sản khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: Bà T và ông T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54 ngày 03/10/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Kim T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà và ông T1 không hợp nhau dẫn tới thường xuyên cãi nhau, ông T1 vài lần đánh bà. Từ tháng 12/2022 cho đến nay bà và ông T1 không còn sống chung không gặp gỡ nhau, cũng không ai đặt vấn đề hàn gắn quay lại. Bà T có nộp cho Tòa án, đơn xác nhận tình trạng mâu thuẫn và tại biên bản xác minh của Tòa án thì Trưởng khu phố 3, phường P xác nhận hiện nay ông T1 và bà T không còn sống chung với nhau, điều đó thể hiện việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 là có thật. Ngoài ra, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông T1 không đến Tòa án để làm việc, có thái độ bỏ mặc không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung là Nguyễn Võ Thạch Bảo T2 và Nguyễn Võ Thạch Bảo T3, xét yêu cầu được nuôi con của bà T, thấy rằng: Từ thời điểm vợ chồng không sống chung đến nay các cháu Trân và Thy đều

do bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Hiện nay, các cháu T2 và T3 có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Bà T buôn bán thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao các cháu T2 và T3 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim T đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu bị đình chỉ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim T đối với yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T1.

Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Kim T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nguyễn Võ Thạch Bảo T2, sinh ngày 25/9/2008 và Nguyễn Võ Thạch Bảo T3, sinh ngày 21/6/2012. Ông Nguyễn Tấn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

Bà Võ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005504 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Võ Thị Kim T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Võ Thị Kim T số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu tiền số 0005503 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/11/2023). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- CCTHADS TP. PR- TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải (GCNKH số: 54, ngày 03/10/2007);
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Diệu